TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2024/HNGĐ-ST
Ngày 13-6-2024
V/v: "Ly hôn, nuôi con chung giữa chị Q và anh Đ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đính.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Lịch;

Ông Nguyễn Hải Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 92/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Q, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm K, xã S, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình;

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1986; địa chỉ: Xóm 3, xã Z, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Chị Q, anh Đ đều xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 04-4-2024, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị Q trình bày:

Chị Bùi Thị Q và anh Nguyễn Văn Đ đăng ký kết hôn ngày 12-01-2012 tại UBND xã Z, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc tại nhà mẹ đẻ của anh Đ ở xóm 3, xã Z được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ không tu trí làm kinh tế, cộng thêm tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm lối sống khác nhau nên trong cuộc sống thường xuyên xảy

ra xích mích, cãi chửi nhau. Từ năm 2014 đến nay, chị Q đã đưa con chung về nhà bố mẹ đẻ ở xã Hùng Sơn, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình sinh sống. Anh Đ có đến ở với chị Q được một thời gian thì về quê ở xã Z; vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và trách nhiệm với nhau từ năm 2016 đến nay. Nay chị Q nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị Q và anh Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn M, sinh ngày 09-9-2013. Hiện nay con chung đang ở cùng chị Q, khi ly hôn chị Q có nguyện vọng tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Chị Q xác định vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Bản tự khai ngày 24-5-2024, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:*

Anh Đ xác nhận lời khai của chị Q về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời gian sống ly thân như chị Q trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn, theo anh Đ là do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm lối sống khác nhau nên vợ chồng thường cãi chửi nhau. Nay chị Q làm đơn ly hôn, anh Đ xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh Đ xác nhận vợ chồng có 01 con chung như chị Q trình bày. Hiện cháu M đang do chị Q nuôi dưỡng nên khi ly hôn, anh Đ nhất trí để con cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Q.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Anh Đ thống nhất với lời khai của chị Q, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Bùi Thị Q và bị đơn anh Nguyễn Văn Đ đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Q, anh Đ là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị Q và anh Nguyễn Văn Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Z, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn vào ngày 12-01-2012. Vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian ngắn thì mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Q đối với anh Đ thì thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Q và anh Đ xuất phát từ tính cách, lối sống của hai người không hợp nhau nên thường xảy ra tranh cãi, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày. Vợ chồng sống ly thân đã lâu nhưng cả hai bên đều không có biện pháp hàn gắn tình cảm. Mặt khác, anh Đ cũng nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm nên chị Q yêu cầu xin ly hôn, anh cũng nhất trí. Xét mâu thuẫn giữa chị Q và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q đối với anh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Q, anh Đ đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Văn M, sinh ngày 09-9-2013. Khi ly hôn chị Q có nguyện vọng xin được nuôi con, anh Đ nhất trí. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân thì con chung sống cùng chị Q. Quá trình giải quyết vụ án cháu M cũng có nguyện vọng xin được ở với chị Q. Do đó, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của các con chung nên cần tiếp tục giao cháu M cho chị Q nuôi dưỡng; do chị Q không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị Q nên về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con không đặt ra giải quyết là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Chị Q, anh Đ đều xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị Q phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Q và anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn M, sinh ngày 09-9-2013 cho chị Bùi Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Q, hai bên có mọi quyền, nghĩa vụ đối với con chung.

Nghĩa vụ bàn giao: Do cháu M đang ở cùng với chị Q nên hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ giao con cho nhau.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc chị Bùi Thị Q phải nộp 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm

nghìn đồng) tại biên lai số 0003121 ngày 16-4-2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị Bùi Thị Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh+huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Z;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đính

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Lịch **Lưu Văn Đê** **Nguyễn Văn Đính**